

Sơn La, ngày tháng 01 năm 2020

## HƯỚNG DẪN

### **Thực hiện Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Sau khi thống nhất với các sở, ngành có liên quan, Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **1. Một số quy định chung**

1.1. Căn cứ kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã tại Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố bố trí, số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định: cấp xã loại 1 tối đa 23 người; cấp xã loại 2 tối đa 21 người; cấp xã loại 3 tối đa 19 người.

1.2. Bí thư Đảng ủy cấp xã hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã đồng thời là Chủ tịch HĐND cấp xã; Phó Bí thư đảng ủy cấp xã đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cấp xã; Phó Chủ tịch HĐND cấp xã đồng thời là Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cấp xã (*các chức danh cán bộ được bố trí đồng thời hoặc đảm nhiệm thêm các công việc khác theo các quy định trên không được coi là kiêm nhiệm thêm chức danh và không được tính hưởng phụ cấp kiêm nhiệm*).

1.3. Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân thì số lượng cán bộ cấp xã giảm đi 01 người; đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an xã là công an chính quy thì số lượng công chức cấp xã giảm đi 01 người.

#### **2. Bố trí số lượng công chức cấp xã**

2.1. Căn cứ Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng các yêu cầu của vị trí chức danh công chức.

2.2. Những chức danh công chức cấp xã có từ 02 người đảm nhiệm (*Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã (Địa chính - xây dựng - đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn); Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội*) khi tuyển dụng, ghi hồ sơ lý lịch và sổ bảo hiểm xã hội phải thống nhất theo đúng tên gọi của chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP. Nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ.

### **3. Xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã**

3.1. Cán bộ cấp xã có trình độ đào tạo sơ cấp hoặc chưa đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thì thực hiện xếp lương theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư Liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Cán bộ, công chức cấp xã đã tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thì thực hiện xếp lương như công chức hành chính quy định tại bảng lương số 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đại học trở lên xếp lương theo ngạch chuyên viên (áp dụng công chức loại A1);
- Tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cao đẳng xếp lương theo ngạch cán sự (áp dụng công chức loại A0);
- Tốt nghiệp trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trung cấp xếp lương theo ngạch nhân viên (áp dụng công chức loại B).

Việc bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức chuyên ngành hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV.

3.2. Trong thời gian công tác, cán bộ, công chức cấp xã đã tự túc đi học bồi dưỡng và thay đổi trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (*có bằng cấp đào tạo phù hợp với chức danh đảm nhiệm*) thì được xếp lương như sau: Được cấp bằng tốt nghiệp sau ngày 25/6/2019 thì chuyển xếp lương từ thời điểm có bằng; được cấp bằng tốt nghiệp trước ngày 25/6/2019 thì chuyển xếp lương kể từ ngày 25/6/2019 (*Nghị định số 34/2019/NĐ-CP có hiệu lực*)

3.3. Trường hợp trước khi được tuyển dụng công chức cấp xã đã đảm nhiệm công việc phù hợp với chức danh công chức cấp xã và đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (*nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn*) được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng.

3.4. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xếp lương đối với từng trường hợp có thay đổi về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ; trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng vào công chức cấp xã, theo nguyên tắc và cách tính xếp lương quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các văn bản khác có liên quan.

#### **4. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh**

4.1. Chỉ bố trí cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức danh công chức cấp xã khi cán bộ cấp xã đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

Mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ cấp xã đủ điều kiện hưởng phụ cấp kiêm nhiệm quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP như sau:

a. Cán bộ cấp xã đang xếp lương theo bảng lương chức vụ mà kiêm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1 của chức vụ kiêm nhiệm.

Ví dụ 1: Ông A, Phó Chủ tịch UBND xã đang xếp lương bậc 2 (2,45) theo bảng lương chức vụ mà kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương 1,75 chức danh Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

b. Cán bộ cấp xã đang xếp lương như công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo mà kiêm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1 của ngạch công chức hành chính đang xếp cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ kiêm nhiệm.

Ví dụ 2: Ông B, Chủ tịch UBND xã đang xếp lương bậc 3 (hệ số 3,33 công chức loại A1) theo bảng lương công chức hành chính mà kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương 2,34 bảng lương công chức hành chính loại A1 cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ chức danh Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

c. Cán bộ cấp xã mà kiêm nhiệm chức danh công chức cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1 của ngạch công chức hành chính đang xếp của cán bộ cấp xã được bố trí kiêm nhiệm.

Trường hợp cán bộ cấp xã mà kiêm nhiệm chức danh công chức cấp xã chỉ thực hiện đối với cán bộ đã được xếp lương theo bảng lương công chức hành chính (quy định tại bảng lương số 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

d. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

đ. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4.2. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh và các văn bản hướng dẫn.

## **5. Các chế độ, chính sách khác**

5.1. Phụ cấp khác: Cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện chế độ phụ cấp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5.2. Lương và các chế độ, chính sách khác liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV về hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản pháp luật có liên quan.

## **6. Phương án sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do giảm số lượng**

6.1. Đối với xã, phường, thị trấn sau khi thực hiện số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 mà có số lượng vượt quá theo quy định thì thực hiện các phương án bố trí sắp xếp, đảm bảo thực hiện xong trước ngày 31/12/2020, cụ thể:

a. Tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

b. Giải quyết chế độ thôi việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; nghỉ hưu trước tuổi; nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

c. Điều chuyển, bổ sung cho các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn cấp huyện hoặc ở địa bàn cấp huyện khác thuộc tỉnh hoặc chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày

29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; giới thiệu công chức cấp xã để bầu cử giữ các chức danh cán bộ cấp xã; xem xét bố trí sang các vị trí, chức danh công chức khác có chuyên môn gần với chuyên ngành đào tạo trong nội bộ xã hoặc xã khác nếu còn chỉ tiêu biên chế và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật.

d. Gắn việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ gắn với thực hiện Đề án tinh gọn lực lượng Công an xã và điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2019-2021, chuẩn bị nhân sự Đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020-2025, bầu cử hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

## 6.2. Quy trình thực hiện

- UBND cấp xã tổng hợp, xây dựng phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã xin ý kiến thống nhất của cấp ủy cùng cấp gửi UBND huyện;

- UBND cấp huyện tổng hợp, thẩm định xin ý kiến cấp ủy cùng cấp, hoàn chỉnh phương án gửi xin ý kiến Sở Nội vụ chậm nhất ngày 22/02/2020.

- Sở Nội vụ thẩm định, cho ý kiến về phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã của UBND các huyện, thành phố.

- UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện phương án và hoàn thành việc bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo Quyết định này chậm nhất ngày 31/12/2020.

## 7. Tổ chức thực hiện

### 7.1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Căn cứ Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh và Hướng dẫn của Sở Nội vụ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các quy định về giao số lượng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn.

- Tổng hợp, thẩm định phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp gửi xin ý kiến Sở Nội vụ; rà soát, thực hiện việc xếp lương, bổ nhiệm ngạch và thực hiện chế độ kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban Tổ chức huyện ủy, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác bầu cử, kiện toàn, bố trí và sắp xếp các chức danh cán bộ cấp xã; tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc quy định đánh giá cán bộ, công chức định kỳ hàng năm để làm căn cứ xét thi đua khen thưởng; giáo dục nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức cấp xã vi phạm pháp luật.

## 7.2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- UBND cấp xã xây dựng phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã; rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách; rà soát, tổng hợp việc xếp lương, bổ nhiệm ngạch và thực hiện chế độ kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã gửi UBND huyện.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý và sử dụng công chức cấp xã; nhận xét, đánh giá hàng năm đối với công chức cấp xã.

- Thực hiện chế độ, chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng và kỷ luật; quy hoạch, tạo nguồn; giải quyết khiếu nại, tố cáo công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 377/HD-SNV ngày 22/3/2017 của Sở Nội vụ, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để xem xét, hướng dẫn kịp thời./.

### ***Nơi nhận:***

- Ban Tổ chức tỉnh ủy;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban Tổ chức các huyện, thành phố;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN, L.02.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Hòa**

....., ngày tháng năm 2020

**PHƯƠNG ÁN**  
**Bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã**

Thực hiện Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La; Hướng dẫn số /HD-SNV Thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Thực hiện .....UBND huyện.... xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức xã trên địa bàn như sau:

**1. Hiện trạng**

Thực hiện Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng, chức danh cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Sơn La, UBND các xã, thị trấn đang thực hiện phương án bố trí cán bộ công chức cấp xã như sau:

TT	Đơn vị	Phân loại ĐVHC	Số lượng cán bộ, công chức		Ghi chú
			Được giao	Đang thực hiện	

**2. Phương án sắp xếp lại**

Thực hiện Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La. UBND huyện xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã như sau:

**2.1. Phương án tổng thể**

TT	Đơn vị	Phân loại ĐVHC	Số lượng cán bộ, công chức				Phương án bố trí			Ghi chú
			Được giao	Đang thực hiện	Khuyết	Dôi dư	Điều động	Tinh giản biên chế	Giải quyết chế độ	

**2.2. Phương án chi tiết (có biểu chi tiết kèm theo)**

### **3. Giải pháp tổ chức thực hiện.**

.....

Trên đây là Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã, huyện....đề nghị Sở Nội vụ xem xét, thẩm định cho ý kiến./.

**TM. UBND ....**

.....

*(ký, ghi rõ họ, tên)*



**PHƯƠNG ÁN**  
**BỔ TRÍ, GIẢI QUYẾT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ DÔI DƯ**

TT	ĐƠN VỊ	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ	TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN		TRÌNH ĐỘ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	TRÌNH ĐỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	BỔ TRÍ, SẮP XẾP			LÝ DO	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
								Trình độ	Chuyên ngành			(1)	(2)	(3)			
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>

**Ghi chú:**

(1) Tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

(2) Giải quyết chế độ thôi việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; nghỉ hưu trước tuổi; nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Tổ chức chính trị - xã hội.

(3) Điều chuyển, bổ sung cho các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn cấp huyện hoặc ở địa bàn cấp huyện khác thuộc tỉnh; hoặc chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.